

Bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống người Cơ Tu tỉnh Quảng Nam trong bối cảnh đổi mới, hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay

NGUYỄN THỊ SONG HÀ*

Tóm tắt: Cơ tu là một trong số các dân tộc thiểu số ở nước ta có một nền văn hóa khá đặc trưng. Hiện nay nhiều giá trị văn hóa của người Cơ tu đã biến đổi, thích ứng với điều kiện sống mới, điều đó tạo cho văn hóa của người Cơ tu thêm phong phú song cũng có nguy cơ đánh mất một số giá trị văn hóa đặc trưng, tiêu biểu. Trước tình hình đó, tỉnh Quảng Nam đã có những việc làm thiết thực nhằm bảo tồn, phát triển các giá trị văn hóa truyền thống của người Cơ tu trong bối cảnh đổi mới, hội nhập, toàn cầu hóa hiện nay, để văn hóa thực sự trở thành động lực, là mục tiêu để phát triển của đất nước.

Từ khóa: Cơ tu, bảo tồn, phát triển văn hóa, di sản văn hóa, đổi mới, hội nhập, toàn cầu hóa.

Mở đầu

Cơ tu là một trong 53 dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú phần lớn ở các tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, trong đó tập trung nhiều nhất ở 3 huyện Tây Giang, Đông Giang, Nam Giang của tỉnh Quảng Nam. Trong lịch sử phát triển người Cơ tu đã tạo cho mình các giá trị văn hóa đa dạng, phong phú, được thể hiện qua nhiều thành tố văn hóa vật thể, phi vật thể. Di sản văn hóa người Cơ tu gắn liền với môi trường cư trú tự nhiên ở các huyện miền núi, địa hình phức tạp, núi non hiểm trở, thung lũng hẹp, nhiều sông, suối, giao thông đi lại còn khó khăn, nằm trong vùng

khí hậu nhiệt đới gió mùa, độ ẩm cao, khí hậu khắc nghiệt... Điều đó đã tạo nên các di sản văn hóa mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc Cơ tu được thể hiện qua làng nghề truyền thống, trang phục, âm nhạc, nghệ thuật biểu diễn trống chiêng, nhạc cụ, lễ hội, phong tục, tập quán ...

Hiện nay, do nhiều yếu tố chủ quan và khách quan, văn hóa của người Cơ tu ở tỉnh Quảng Nam đã và đang có nhiều biến đổi, có nguy cơ mai một, điều đó cần phải có những chính sách cụ thể để có thể bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa, để văn hóa trở thành động lực phát triển kinh tế cho địa phương.

* PGS.TS. Nguyễn Thị Song Hà, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

1. Các di sản văn hóa của người Cơ tu ở tỉnh Quảng Nam

Cũng giống như các dân tộc thiểu số khác sinh sống ở vùng Trường Sơn – Tây Nguyên, người Cơ tu tỉnh Quảng Nam sinh sống chủ yếu bằng canh tác nương rẫy, trồng rừng, họ luôn gần gũi với thiên nhiên, biết tận dụng những tiềm năng sẵn có để tạo dựng cuộc sống, từ đó hình thành các giá trị văn hóa riêng.

Các di sản văn hóa, bản sắc văn hóa Cơ tu bao gồm: Buôn, làng truyền thống, nhà Gươl, nhà moong, nghề truyền thống (đan lát, dệt thổ cẩm, nghề rèn, điêu khắc, chạm trổ hoa văn, làm rượu cần), các loại nhạc cụ truyền thống, ẩm thực, phục, lễ hội, nghi lễ, nghệ thuật biểu diễn trống chiêng, các loại nhạc cụ, khèn, kèn sừng trâu. Nghệ thuật diễn xướng nói lý, hát lý, hát giao duyên, hát ru, múa tân tung, kho tàng văn học dân gian (truyện cổ dân gian, cổ tích, sự tích, dân ca).

Làng được người Cơ tu gọi là *Vêl* hay *Cornoon*. Làng truyền thống chính là không gian văn hóa vô cùng quan trọng của cả cộng đồng. Trong truyền thống, làng của người Cơ tu có không gian thiên nhiên thoáng đãng, mỗi buôn làng thường có 20 – 30 nóc nhà. Tên mỗi làng thường gọi theo địa danh nơi họ sinh sống. Người Cơ tu đặt làng theo tên sông, suối, cây cối, tên một người, tên thủ lĩnh đứng đầu của làng. Trong xã hội truyền thống, vai trò của già làng trong hệ thống buôn, làng vô cùng quan trọng. Già làng là người am hiểu, có khả năng vận dụng những phong tục, tập quán để giải quyết những nảy sinh trong đời sống cộng đồng tộc người, ngày nay già làng còn là người có khả năng vận động, khuyến khích cộng đồng dân cư thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Ngày nay, làng truyền thống của người Cơ tu đã có nhiều biến đổi sâu sắc, điều đó làm cho nhiều giá trị văn hóa buôn làng, nhiều lễ hội cộng đồng gắn với với không gian sinh sống bị mai một

Nhà Gươl: với người Cơ tu nhà Gươl một trong các biểu tượng đặc trưng văn hóa, là một kiến trúc độc đáo, mang tính giá trị tập thể cao, nó không chỉ là di sản văn hóa vật thể mà còn là di sản sống. Kiến trúc nhà Gươl được thiết kế theo kiểu nhà sàn, có một cây cột cái to tròn ở giữa và 8 cây cột con ở xung quanh, mái nhà lợp bằng lá lá nón hoặc lá mây, ở hai đầu mái nhà Gươl thường gắn biểu tượng 2 con gà trống. Những tấm vách trong nhà Gươl là những bức phù điêu, chạm trổ, điêu khắc hình ảnh các con vật như trâu, tắc kè, con trăn, kỳ đà, con gà trống, các loại chim thú, cỏ cây, mặt trăng, mặt trời... và một số hình ảnh sinh hoạt đời thường của cộng đồng: người đàn ông đánh trống, săn bắt, người phụ nữ múa, bông con, giã gạo, dệt thổ cẩm. Trong truyền thống các buôn làng của người Cơ tu dù giàu hay nghèo đều có nhà Gươl. Nhà Gươl càng to càng thể hiện sức mạnh, tinh thần đoàn kết, sự giàu mạnh của cộng đồng làng đó càng lớn.

Trong tâm thức của người Cơ tu, nhà Gươl được coi là một công trình kiến trúc nghệ thuật của cả cộng đồng, thể hiện quan niệm về cái đẹp, nhân sinh quan, thế giới quan, là cầu nối giữa con người và vũ trụ, là nơi giao hòa, gửi gắm giữa con người với thế giới thần linh. Nhà Gươl còn là nơi hội họp, sinh hoạt văn hóa, trao đổi bàn luận các công việc hệ trọng, thực thi luật tục của cộng đồng, tổ chức nghi lễ, lễ hội của buôn làng: lễ ăn mừng lúa mới, lễ ăn thề kết nghĩa giữa hai làng Cơ tu..

Moong: Trước đây, bên cạnh ngôi nhà ở, người Cơ tu còn làm thêm nhà moong, được dựng bên cạnh hoặc phía trước ngôi

nhà sàn dùng để nghỉ ngơi, tiếp khách gia đình. Moong to hay nhỏ tùy thuộc vào điều kiện kinh tế, diện tích đất ở và không gian cư trú mà mỗi gia đình. Moong được làm từ các vật liệu có ở trong rừng: mây, gỗ, tre nứa, lồ ô, lá nón hoặc lá tranh, lá mây.

Nhà ở: Nhà ở truyền thống của người Cơtu là nhà sàn, mái tròn, cao, vật liệu làm bằng gỗ, tre, nứa, mây. Mái lợp bằng lá nón, hoặc lá mây. Nhà rộng được bố trí liên hoàn có bếp nấu ăn, có chỗ ngủ và có nơi cất giữ đồ đạc đảm bảo cho không gian sinh hoạt của gia đình.

Trang phục: Giống như những tộc người thiểu số khác cư trú trên khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên, trang phục truyền thống của người Cơtu cũng có sự phân chia theo giới tính nam, nữ, trang phục thường nhật, lễ hội v.v. Trong đó, y phục nữ được coi là điểm nổi bật nhất, có những nét riêng từ cách phối màu sắc, trang trí hoa văn,... đến cách đo và cắt tạo dáng, may khâu, trang điểm,... không chỉ thể hiện đức tính cần cù, tỷ mỉ, khéo léo của người phụ nữ, mà còn phản ánh sự giàu có của hiện tượng văn hóa tộc người với các nghệ thuật trang trí như dệt, nhuộm sắc màu, tấp vải, thêu thùa, trang trí hoa văn...

Trang phục phụ nữ của người Cơtu thường có áo, váy, yếm, dây thắt váy, dây buộc đầu. Phụ nữ sử dụng các loại trang phục khác nhau: Khi đi làm trên nương rẫy thường mặc bộ váy ngắn đến đầu gối không có cườm. Trang phục đón khách quý hay lễ hội là những bộ váy ngắn thổ cẩm mới, được đính cườm dệt với nhiều hoa văn, họa tiết rất đẹp. Bên cạnh bộ thổ cẩm, các cô gái Cơtu còn điểm thêm vòng hạt cườm, vòng mã não và các loại trang sức khác. Nam giới sử dụng trang phục khác nhau, song họ thường mặc áo ngắn và đóng khố, có khi chỉ đóng khố mà không mặc áo. Trang phục trong các dịp lễ hội đẹp hơn, có

thêm tấm thổ cẩm được dệt có cườm với nhiều màu sắc, đường nét hoa văn tinh xảo, có một tấm choàng dài bắt chéo từ cổ đến hông và đóng khố. Truyền thống người Cơtu còn có trang phục bằng vỏ cây. Ngày nay, trang phục bằng vỏ cây như một di sản mang dấu ấn cổ xưa của người Cơtu chỉ mặc, trình diễn, trong các mùa lễ hội làng,

Màu chủ đạo của trang phục truyền thống của người Cơtu là màu chàm đen. Người Cơtu quan niệm rằng: Màu chàm đen là màu của đất (*Catiéc*), màu đỏ là màu của mặt trời (*plêêng, pleng*). Đây là hai màu sắc của hai vật thiêng không thể thiếu trong đời sống, nó thể hiện được phong tục, tập quán, văn hóa và lối sống gắn với môi trường thiên nhiên của tộc người.

Ẩm thực của người Cơtu không chỉ đơn thuần là đồ ăn, thức uống trong đời sống hàng ngày mà nó còn mang giá trị văn hóa của dân tộc. Gắn với môi trường cư trú chủ yếu gắn với không gian của núi rừng nên nguyên liệu làm nên ẩm thực đặc trưng chủ yếu là từ hoa chuối rừng, trái cây rừng, rau rừng, măng rừng, ớt, tiêu rừng, gạo, nếp. Người Cơtu có khá nhiều món ăn truyền thống gắn liền với các nghi lễ, văn hóa tộc người như cơm lam bằng nếp than nướng ống, bánh gừng trâu (bánh tình yêu), xôi sắn, súp sắn, gà nấu đắng sâm, cá, ếch được chế biến bằng cách nấu hoặc nướng trong ống tre, phơi khô thật để được lâu. Đồ uống được làm từ mía, chuối, sắn, nếp như: rượu mía, rượu chuối, rượu cần sắn, rượu nếp than được làm từ men của người Cơtu, rượu ba kích, đắng sâm, tạo nên văn hóa ẩm thực phong phú. Hiện nay, ẩm thực của người Cơtu được nhiều địa phương biết đến do tỉnh Quảng Nam có chiến lược quảng bá các sản vật qua hoạt động du lịch và trên các trang thông tin như báo chí, web, facebook...

Tín ngưỡng: Là cư dân miền núi, sống nhờ hoàn toàn vào nông nghiệp nương

rẫy, phụ thuộc vào thiên nhiên, do đó người Cơ tu có niềm tin vào đấng siêu nhiên (giàng, thần linh, ma quỷ). Họ cho rằng các đấng siêu nhiên này là thế lực vô hình chiếm một vị trí rất quan trọng, tác động mạnh mẽ đến đời sống, vật chất, tinh thần, trong tập quán, sinh hoạt văn hoá, lễ hội truyền thống. Người Cơ tu luôn tin rằng thần linh luôn là bậc tối cao, che chở cho cả cộng đồng, chính vì vậy họ có những cách thức ứng xử thích hợp đối với hệ thống thần linh đó. Với người Cơ tu trong tế lễ, con trâu, con bò, con heo, con gà được coi là vật thiêng của thần linh, là sứ giả mang những ước mơ của con người bày tỏ với các vị thần như thần đất, thần trời, thần núi rừng, sông, suối, với giàng, cầu mong các vị thần phù hộ đem đến sự may mắn, cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được mùa, no đủ cho cả buôn làng. Vì thế trong các lễ hội của cộng đồng của người Cơ tu bao giờ cũng có nghi lễ tế lễ, bởi đó là cách người Cơ tu biểu đạt niềm tin rằng con người có thể giao hòa với đất trời, giao hòa với thế giới thần linh.

Lễ hội truyền thống: Các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam nói chung, người Cơ tu nói riêng trong truyền thống có nhiều lễ hội dân gian mang đậm bản sắc văn hóa như: lễ hội tạ ơn rừng, lễ hội ăn thề kết nghĩa, lễ hội mừng lúa mới... Lễ hội Tạ ơn rừng là một nét văn hóa truyền thống, thường được tổ chức vào đầu năm mới, là dịp để người Cơ tu thể hiện lòng biết ơn “Me” rừng năm qua phù hộ cho dân làng khỏe mạnh, cuộc sống sung túc, đồng thời lễ Tạ ơn rừng còn là lời hứa của đồng bào trong việc nâng cao ý thức về quản lý và bảo vệ rừng, đồng thời gắn kết cộng đồng. Sống giữa núi rừng từ bao đời nay người Cơ tu sinh sống và canh tác chủ yếu bằng nghề nương rẫy nhưng họ vẫn gìn giữ được các khu rừng già, rừng đầu nguồn bởi đối

với họ, rừng núi là tài nguyên vô giá, giúp người Cơ tu tồn tại và phát triển.

Lễ hội Ăn thề kết nghĩa giữa hai làng Cơ tu (*lễ hội Pơ ngát*) và Lễ hội mừng lúa mới, lễ hội mừng nhà Gươl. Những lễ hội này biểu hiện khát vọng, niềm tin đối với thế giới siêu nhiên, biểu tượng cho truyền thống văn hóa, tinh thần đoàn kết của cộng đồng. Lễ hội Mừng lúa mới là để tạ ơn thần linh và cầu mong mưa thuận, gió hòa, cầu cho dân làng mạnh khỏe, ấm no, yên vui, mùa màng tươi tốt. Lễ hội mừng lúa mới được tổ chức thường xuyên hằng năm trong từng gia đình, sau mỗi đợt thu hoạch lúa. Tổ chức Lễ hội mừng lúa cả cộng đồng làng thường 5 năm tổ chức một lần. Lễ hội ăn thề kết nghĩa được tổ chức có sự tham gia của hai làng nhằm giải quyết, tháo gỡ những vấn đề vướng mắc giữa hai làng từ đó thắt chặt tình cảm, xây dựng tinh thần đoàn kết, sự gắn kết cộng đồng cao. Lễ hội ăn thề kết nghĩa thường được dân làng thông qua trước đó, trong các dịp lễ hội truyền thống như: lễ ăn mừng nhà gươl, lễ cưới hỏi, lễ tang ma. Nếu người Cơ tu làng này chủ động mời làng Cơ tu khác để kết nghĩa anh em thì hội đồng già làng đó đến làng được mời. Tại đây họ làm một con gà lấy tiết và một ít rượu đem đến nhà gươl để cúng giàng, tổ tiên. Sau khi đã làm thủ tục cúng xong, hai già làng lấy tiết gà bôi lên trán cho nhau, những người tham dự cũng lần lượt lấy tiết gà bôi lên trán cho nhau. Theo giải thích của người Cơ tu sở dĩ làm như thế là để cho giàng, thần linh... chứng kiến lòng thành, sự kết nghĩa máu thịt anh em của 2 làng. Họ vừa ăn uống no say, vừa thống nhất ngày tổ chức hội. Lễ hội mừng Gươl mới cũng mang nhiều nét văn hóa độc đáo, đặc sắc có từ lâu đời cần được bảo tồn và gìn giữ và lưu truyền.

Văn hóa dân gian: của người Cơ tu đa dạng và phong phú bao gồm nhiều loại

hình nghệ thuật, văn nghệ dân gian, trong đó nổi bật là âm nhạc và múa là linh hồn của di sản văn hóa Cơ tu, là yếu tố làm nên nét đặc sắc của lễ hội truyền thống. Âm nhạc và múa không chỉ giúp đồng bào vui chơi, giải trí trong sinh hoạt cộng đồng mà còn là tín hiệu trong các nghi lễ cúng tế thần linh. Trong các lễ hội, nghi thức quan trọng nhất là lễ dựng cây nêu, cột tế thần và nghi lễ hiến sinh. Người Cơ tu làm cột lễ vào các dịp lễ hội quan trọng như lễ kết nghĩa, lễ ăn mừng lúa mới,... Cột lễ là nơi tiến hành các nghi lễ tâm linh và là nơi diễn ra các hoạt động vui chơi, diễn xướng dân gian. Cột lễ còn là một sản phẩm mỹ thuật thể hiện tài nghệ trang trí, điêu khắc của nghệ nhân. Các điệu múa, các điệu nhạc được thể hiện xung quanh cây nêu, cột lễ cùng với các nghi thức thiêng liêng được tiến hành tại đây. Âm nhạc và múa có vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần, là những thành tố tạo di sản văn hóa phi vật thể mang màu sắc văn hóa riêng của tộc người, trong đó nổi bật là Vũ điệu Tân tung, dadăh và nghệ thuật nói lý, hát lý. Các loại hình di sản này của đồng bào Cơ tu đã được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

- Nói lý, hát lý là một loại hình nghệ thuật dân gian khá đặc trưng - nghệ thuật ứng khẩu, truyền khẩu độc đáo của người Cơ tu. Nói lý, hát lý được ra trong dịp lễ hội, đám cưới, đám hỏi, vào nhà mới, trong các buổi sinh hoạt cộng đồng ở nhà Gươl. Nói lý, hát lý còn được người Cơ tu sử dụng để giảng hòa các bất đồng giữa các cá nhân, gắn kết cộng đồng. Nói lý, hát lý thể hiện sự nhạy bén trong tư duy và khả năng ứng khẩu nhanh của người hát đối đáp mà không phải là sự chuẩn bị trước. Nói lý, hát lý có từ lâu đời gắn với đời sống sinh hoạt văn hóa của người Cơ tu, nó cũng được coi là một di sản văn hóa

của quý báu, song hiện nay loại hình nghệ thuật này đã bị mai một nhiều, cần được phục hồi và phát huy.

- Nghệ thuật múa Tân tung, dadăh còn gọi là Vũ điệu dâng trời bởi đây là một điệu múa kết hợp nhịp nhàng giữa nam và nữ, điệu múa biểu hiện được sự kết nối giữa thế giới của những người đang sống với thế giới của tổ tiên, ông bà. Múa Tân tung, dadăh khá sôi động bởi sự kết hợp của các điệu múa đầy dứt khoát, mạnh mẽ song cũng không kém phần mềm mại, uyển chuyển...kết hợp với đó là âm thanh của những tiếng trống, tiếng chiêng, tiếng hú vang xa của những người tham gia vào lễ hội, nó vừa mang tính chất trình diễn văn hóa văn nghệ, song nó mang tính cộng đồng nhân văn sâu sắc.

Nghệ thuật điêu khắc gỗ ở người Cơ tu là một di sản văn hóa đặc trưng do các nghệ nhân dân gian khéo léo đục, đẽo từ những bức tranh gỗ để từ đó tái hiện đời sống sinh hoạt, lao động, sản xuất, điêu khắc hình tượng con người, loài vật, cảnh lễ hội, hình ảnh đàn ông ngồi uống rượu, cảnh săn bắt, hình ảnh người phụ nữ giã gạo, bông con,... nó có một ý nghĩa giá trị tinh thần đối với cộng đồng người Cơ tu. Tuy nhiên hiện nay, nghệ thuật điêu khắc gỗ cũng đang có nguy cơ mai một, do các nghệ nhân dân gian ngày càng già mất đi, trong khi đó thế hệ trẻ không còn mặn mà với loại hình nghệ thuật này. Đây cũng là một loại hình văn hóa đặc trưng cần được chú ý lựa chọn để bảo tồn và phát huy.

Nghệ đan lát truyền thống: Phần lớn người Cơ tu đan được hầu hết các vật dụng phục vụ cho lao động sản xuất như chiếc gùi cho người phụ nữ dùng khi đi làm nương, gùi ba ngăn cho người đàn ông dùng khi đi săn bắt, có gùi to, gùi nhỏ phù hợp với từng đối tượng người sử dụng và từng hoạt động để sử dụng gùi. Bên cạnh sản phẩm đan lát

là giùi còn có nhiều loại sản phẩm khác như: Nĩa sấy lúa, nong phơi lúa, rổ đựng đựng rau, mâm ăn cơm, mâm dùng để đựng đồ cúng trong các lễ hội truyền thống.... Nguyên liệu làm sản phẩm đan lát được lấy từ núi rừng như: mây, tre, nứa, lồ ô và các loại dây leo khác được bà con khai thác về. Hiện nay nhiều sản phẩm từ nghề đan này đã bán được cho khách du lịch trong nước và nước ngoài....

Nghề dệt thổ cẩm (taanh ân dooh): Mỗi sản phẩm dệt của người Cơ tu có giá trị về nhiều mặt, nó vừa là vật dụng, bảo đảm nhu cầu sinh hoạt, phục vụ cho cuộc sống, vừa là của cải, thể hiện sự giàu có, chứa đựng nhiều tinh hoa, thể hiện nét đặc trưng độc đáo. Khi đề cập đến sản phẩm dệt của người Cơ tu, không thể không nói đến các hoa văn hạt cườm, hạt chì. Các sản phẩm dệt thổ cẩm phản ánh nhiều giá trị văn hóa thể hiện thông qua các hoa văn thể hiện trên sản phẩm, và cũng thể hiện sự khéo léo, tinh tế của người Cơ tu. Hiện nay các sản phẩm dệt thổ cẩm của người Cơ tu được chính quyền tỉnh Quảng Nam đưa vào trong giới thiệu và quảng bá sản phẩm đối với khách du lịch để nâng cao đời sống cho đồng bào nơi đây, đồng thời cũng là cách thức để bảo tồn và phát huy nghề dệt thổ cẩm khi mà chúng đang có nhiều nguy cơ mai một.

2. Công tác bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa truyền thống người Cơ tu

Trong suốt chiều dài lịch sử, văn hóa truyền người người Cơ tu luôn là di sản quý giá góp phần làm nên sự phong phú, đa dạng và thống nhất của nền văn hóa Việt Nam. Trong bối cảnh cuộc sống hiện đại, việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa đồng bào các dân tộc thiểu số là nhiệm vụ cấp thiết để phát triển bền vững đất nước. Nghị quyết số 33-NQ/TW của Hội nghị

Ban chấp hành Trung ương lần thứ 9, khoá XI đã đặt ra yêu cầu về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng được yêu cầu phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới hiện nay. Trong đó, định hướng xây dựng và phát triển văn hoá, con người, đồng thời xác định mục tiêu, quan điểm nhiệm vụ để phát triển con người Việt Nam toàn diện, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, xây dựng văn hoá trong chính trị và kinh tế, chủ động giao lưu quốc tế, hội nhập về văn hoá, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại có chọn lọc. Trong nhiều năm qua thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa luôn được tỉnh Quảng Nam chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt và xem đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXI đã nêu rõ: “Bảo tồn, phát huy văn học dân gian, nghệ thuật quần chúng, các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn tỉnh”.

Trên cơ sở Nghị quyết đã ban hành, UBND tỉnh đã có nhiều kế hoạch, chương trình để bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa của các dân tộc trên địa bàn của tỉnh, cụ thể là Kế hoạch số 524/KH-UBND về việc kiểm kê lập cơ sở thực hiện công tác bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể của tỉnh; Kế hoạch số 658/KH-UBND ngày 29/02/2012 về phê duyệt quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa giai đoạn 2012-2020; Kế hoạch bảo tồn, phát triển các di sản văn hóa tiêu biểu của các dân tộc thiểu số (Cơ tu, Giẻ triêng, Xơ đăng và Cor) trên địa bàn tỉnh đến năm 2020. Tỉnh Quảng Nam đã chỉ đạo: “Huy động nguồn lực của toàn xã hội để bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, kích lệ sáng tạo những giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh

hoa văn hóa nhân loại. Xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội”.

Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa các dân tộc tỉnh Quảng Nam góp phần gìn giữ “phần hồn” cho các di sản thông qua việc bảo tồn và phát huy các lễ hội dân gian, nghệ thuật diễn xướng hay phát triển các làng nghề, tái hiện các lễ hội dân gian, ca múa nhạc truyền thống của các dân tộc... Tổ chức các Lễ hội của các cộng đồng cư dân miền núi không những đã khơi dậy sức sống văn hóa trong nhân dân, mà còn tạo nên động lực thúc đẩy việc bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản văn hoá.

Sau một thời gian thực hiện công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa đến nay toàn tỉnh Quảng Nam có trên 80% số thôn trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã có nhà truyền thống phục vụ sinh hoạt của cộng đồng. Cùng với đó các huyện miền núi như Đông Giang, Nam Giang, Tây Giang nơi có đông người Cơ tu sinh sống đã khôi phục, phát triển các làng nghề truyền thống như: dệt thổ cẩm, đan lát thủ công bằng mây, tre, hình thành làng du lịch cộng đồng, trong đó có nghề dệt thổ cẩm và phát triển du lịch cộng đồng người Cơ tu. Cụ thể Dự án Phát triển cộng đồng do tổ chức Cứu trợ Quốc tế Nhật Bản (FIDR), từ Chính phủ Luxembourg và Tổ chức Lao động Quốc tế, ILO đi vào hoạt động đã giúp cho nhiều làng nghề truyền thống của người Cơ tu có nguy cơ mai một đã được phục hồi, chẳng hạn như nhóm dệt thổ cẩm Đờ Rôông (xã Tà Lu, huyện Đông Giang) và làng dệt thổ cẩm Za Ra (xã Tà Bhing, huyện Nam Giang). Khôi phục, phát triển làng nghề truyền thống của người Cơ tu gắn với du lịch là hướng đi mới của các làng nghề truyền thống ở tỉnh Quảng Nam

Công tác bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống cũng được quan tâm như chú ý đến các loại hình điêu khắc, trang trí hoa văn, ẩm thực, lễ hội dân gian, múa trống chiêng và các loại nhạc cụ các làn điệu dân ca, nói lý, hát lý, múa truyền thống của dân tộc Cơ tu được tổ chức trong các lễ hội; Các Lễ hội truyền thống như: Lễ hội “Ăn thề kết nghĩa”, lễ hội “Mừng lúa mới” lễ hội mừng Gươl mới cũng được quan tâm đầu tư kinh phí để phục dựng. Tại ba huyện Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang đã hình thành câu lạc bộ nói lý, hát lý... được người Cơ tu hưởng ứng và thực hành trong đời sống hàng ngày, đây là yếu tố quan trọng góp phần gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa đặc trưng, tiêu biểu của tộc người.

Để bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa dân tộc trong bối cảnh đổi mới, hội nhập và toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ như hiện nay, tỉnh Quảng Nam chỉ đạo các địa phương tổ chức tốt các hoạt động như: Lễ hội Văn hóa - Thể thao miền núi định kỳ 4 năm 1 lần và Hội thi Thể thao các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam định kỳ 2 năm 1 lần,. Các làn điệu dân ca Cơ tu được sưu tầm, dàn dựng và thu thanh vào đĩa DVD, Công tác sưu tầm, biên soạn nhằm bảo tồn ngôn ngữ, chữ viết của đồng bào các dân tộc thiểu số tại tỉnh Quảng Nam được triển khai mạnh mẽ và sâu rộng trong thời gian qua. Hiện nay tỉnh Quảng Nam đã biên soạn bộ tiếng thông dụng: Cơ tu – Kinh và Văn hóa làng Cơ tu; Từ điển Cơ tu – Việt, Việt – Cơ tu. Tiếng Cơ tu được phát trên sóng phát thanh, đài truyền thanh các huyện và đài truyền hình tỉnh Quảng Nam, đài VOV đã góp phần hiệu quả trong việc tuyên truyền các chủ trương, đường lối của đảng, chính sách pháp luật của nhà. Trong những năm qua tiếng Cơ tu đã được triển khai dạy trên địa bàn 3 huyện Đông Giang, Tây Giang và

huyện Nam Giang cho cán bộ, lãnh đạo, công chức, viên chức và đội ngũ giáo viên.

Công tác sưu tầm, kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể của người Cơ tu được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, gồm: *Múa Tân tung da dá, Dệt thổ cẩm, Nói lý hát lý*; Một số đề tài khoa học về bảo tồn giá trị văn hóa phi vật thể cũng được thực hiện như: Lễ hội mừng lúa mới của người Cơ tu, âm nhạc của người Cơ tu; không gian văn hóa công chiêng, điệu múa tân tung dadăh của người Cơ tu. Ngoài ra, ở tỉnh Quảng Nam còn có mô hình tổ chức cho người trẻ là người Cơ tu học các bài cúng nghi lễ... Mỗi lớp có khoảng 20 người học, các già làng, người cao tuổi có uy tín trong làng tổ chức truyền dạy các bài cúng quan trọng, các lễ tiết, nghi thức đặc sắc của người Cơ tu cho những “chủ nóc nhà” là những thanh niên trẻ, có ý thức giữ gìn truyền thống dân tộc. Các lớp học này được tổ chức tại các nhà Gươl nơi có người dân tộc Cơ tu sinh sống.

3. Kết luận

Văn hóa có một tầm quan trọng trong sự phát triển, được coi là nền tảng tinh thần của xã hội, động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, bởi vậy văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực cho sự phát triển. Coi trọng văn hoá truyền thống chính là coi trọng nền tảng sức mạnh tinh thần của dân tộc. Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ V khoá VIII đã nêu rõ: “Di sản văn hoá là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hoá. Cần phải hết sức coi trọng, bảo tồn, phát huy những giá trị văn hoá truyền thống” Trong bối cảnh hiện nay, các tộc người thiểu số ở tỉnh Quảng Nam, trong đó có người Cơ tu đang có nhiều cơ hội để lựa chọn các giá trị văn hóa cho mình nhằm

phù hợp với điều kiện sống mới, và điều đó cũng là nguyên nhân khiến một số giá trị văn hóa bị mai một, biến đổi. Xác định văn hóa là động lực và là mục tiêu của sự phát triển thời gian qua tỉnh Quảng Nam, việc ban hành và triển khai thực hiện các chính sách bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống người đồng bào dân tộc thiểu số nói chung, người Cơ tu nói riêng luôn được Đảng, Chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Nam quan tâm, chỉ đạo và đạt được một số kết quả đáng kể. Tuy nhiên vẫn còn có nhiều khó khăn, thách thức và bất cập đòi hỏi Chính quyền, nhân dân và chính đồng bào Cơ tu cần phải có cái nhìn thấu đáo về di sản văn hóa dân tộc, có ý thức và trách nhiệm hơn trong việc bảo tồn và duy trì các giá trị văn hóa đó /.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Văn Bài (2007), “Bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể - góc nhìn toàn cầu hóa”, *Tạp chí di sản văn hóa* số 21/2007.
2. Phan Thị Xuân Bốn (2005), “Tín ngưỡng đa thần của người Cơtu ở huyện Hiên”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, (số 7)
3. Thành Duy (2006), *Bản sắc dân tộc và hiện đại hóa văn hóa Việt Nam mấy vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Song Hà (chủ biên, 2021), *Biến đổi văn hóa của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam từ Đổi mới đến nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội
5. Đinh Hồng Hải (2006), *Nhà Gươl của người CơTu*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
6. Lưu Hùng (2002), *Nhà Gươl của người Cơtu trong truyền thống nhà cộng đồng ở Trường Sơn - Tây Nguyên*, Nxb Khoa học xã hội.
7. Lưu Hùng (2006), *Góp phần tìm hiểu văn hóa Cơ Tu*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. B'riur Lieac (2009), *Văn hóa người Cơ Tu*, Nxb Đà Nẵng.
9. Trần Tấn Vĩnh (2009), *Người Cơ Tu ở Việt Nam*, Nxb Thông tấn, Hà Nội.